

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2020/DS-PT

Ngày: 25 - 9 - 2020

V/v tranh chấp
“Chia thừa kế theo pháp luật”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.
Ông Nguyễn Song Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 03 năm 2020 về việc tranh chấp “Chia thừa kế theo pháp luật”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 268/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 216/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lại Thị B - sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1957 - Trung tâm tư vấn pháp luật - Hội Luật gia tỉnh Tiền Giang (có mặt);

- Bị đơn: Ông Lại Văn Ph - sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của ông Ph: bà Hồ Thị Nệ, sinh năm: 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Số 82, Ô 2 khu 1, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.
(Theo giấy ủy quyền ngày 14/5/2020).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

1/ Ông Lại Văn T - sinh năm 1951 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Lại Thị B1 - sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Ông Lại Văn T1 - sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Lại Văn Th - sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Lại Thị L - sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Ông Lại Văn B2 - sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4/ Bà Võ Thị L1 - sinh năm 1950 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng :*

1/ Ông Nguyễn Ngọc Th1 - sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Ông Nguyễn Văn U - sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Ông Phạm Văn V - sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4/ Ông Huỳnh Văn Kh - sinh năm 1950 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5/ Ông Huỳnh Tấn D - sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:*

1. Nguyên đơn bà Lại Thị B.

2. Bị đơn ông Lại Văn Ph.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lại Văn T, ông Lại Văn T1 và bà Lại Thị B1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Lại Thị B trình bày:

Vào năm 2002, ông Ph đã giành quyền chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ của bà là cụ Ch và cụ Ng nên ông Ph đã phụng dưỡng các cụ từ năm 2002 đến khi các cụ qua đời, trong thời gian ông Ph ở với cụ Ch và cụ Ng bà đi làm ở xa nhưng bà có về thăm các cụ, bà có đề nghị với cha mẹ để bà phụng dưỡng chăm sóc nhưng không được đồng ý, đồng thời mỗi lần về thăm cha mẹ thì giữa bà và ông Ph xảy ra cự cãi. Đến năm 2009, cụ Ng qua đời, năm 2010 cụ Ch qua đời, khi qua đời cha mẹ bà để lại diện tích 1.500m² và căn nhà thờ kết cấu mái tole, vách cây bồ kho, cột cây thao lao, nền đất và một số vật dụng tài sản trong nhà, đất và nhà tọa lạc Ấp Th, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang và các cụ không để lại di chúc. Hiện nay phần đất nêu trên đang do ông Ph quản lý sử dụng, còn căn nhà thờ thì ông Ph đã tháo dỡ và sửa chữa lại toàn bộ, ông Ph chỉ sử dụng lại các cột cây gỗ của căn nhà cũ. Cha mẹ của bà sinh được 08 người con ruột gồm Lại Văn T, Lại Văn Ph, Lại Thị B1, Lại Thị B, Lại Văn B2, Lại Thị L, Lại Văn T1, Lại Văn Th và có 01 người con nuôi là Lại Thị R, nhưng sau đó bà R đã nhận lại gia đình của mình và đổi họ tên là Võ Thị L1 nên bà L1 không được hưởng di sản của cha mẹ bà để lại. Bà B yêu cầu chia di sản là diện tích đất 1.500m² làm 08 phần và bà xin nhận kỷ phần của mình bằng hiện vật, đối với căn nhà thờ đã được ông Ph sửa chữa lại toàn bộ và có sử dụng các cột gỗ của căn nhà cũ thì bà không yêu cầu chia, bà đồng ý để các cột gỗ nêu trên cho ông Ph sở hữu.

Bị đơn ông Lại Văn Ph trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Ch (chết năm 2010) và cụ Ng (chết năm 2009), lúc sinh thời sinh được 08 người con ruột và 01 người con nuôi như lời trình bày của Bà B. Khi còn sống cha mẹ của ông đã chia cho các con mỗi người một phần đất. Vào năm 2002, do cụ Ch và cụ Ng già yếu không người chăm sóc nên ông cùng với cha mẹ và các anh em thống nhất hoán đổi phần đất cha mẹ cho ông có diện tích 690m² để đổi cho ông Lại Văn B2 (do lúc này ông Lại Văn B2 sống chung nhà với cụ Ch, cụ Ng), còn ông sẽ về phần đất và nhà của cụ Ch để phụng dưỡng chăm sóc cụ Ch, cụ Ng và sẽ hưởng phần đất và nhà này. Khi hoán đổi đất có ông, cụ Ch, cụ Ng, ông B2, ông T1, bà B1, ông Th và người làm chứng có ông Huỳnh Văn Kh, ông Huỳnh Tấn D, hai bên có làm giấy tờ hoán đổi đất.

Từ năm 2002, gia đình ông đã về sống chung và phụng dưỡng cụ Ch, cụ Ng đến khi cụ Ch, cụ Ng qua đời thì các anh em đóng góp lo đám tang cho cha mẹ. Sau khi cụ Ch và cụ Ng qua đời, vào ngày 30/3/2011 các anh em trong gia đình gồm ông, ông T, ông T1, bà L, ông Th thống nhất chia phần đất cha mẹ để lại cho ông hưởng toàn bộ, khi thỏa thuận có lập biên bản và có sự chứng kiến của ông Nguyễn Ngọc Th1, ông Nguyễn Văn U và ông Phạm Văn V. Hiện phần đất đang tranh chấp do cụ Ch đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 1500m², thuộc thửa 899, tờ bản đồ số 3, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00028/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 27/02/2004. Còn căn nhà thờ ông đã tu bổ sửa chữa lại toàn bộ, ông chỉ sử dụng lại các cây cột từ căn

nhà thờ cũ. Nay ông không đồng ý với yêu cầu của Bà B, bà B1, ông T, ông T1 yêu cầu chia phần đất nêu trên vì phần đất này đã được hoán đổi cho ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lại Thị B1 trình bày:

Vào năm 2002 ông Ph giành quyền phụng dưỡng cha mẹ và đã buộc ông B2 phải hoán đổi nhận phần đất mà ông Ph được cha mẹ chia. Việc hoán đổi đất giữa ông B2, ông Ph cùng với Biên bản họp gia tộc vào ngày 30/3/2011 để chia phần đất 1.500m² cho ông Ph thì bà không chứng kiến. Trong thời gian cụ Ch và cụ Ng ở với ông Ph thì bà thường tới lui thăm nom, chăm sóc cha mẹ. Khi cha mẹ chết không để lại di chúc và có để lại diện tích 1.500m² đất cùng căn nhà thờ, hiện nay ông Ph đang quản lý sử dụng diện tích đất nêu trên, còn căn nhà thờ đã được ông Ph sửa chữa toàn bộ. Cha mẹ bà lúc còn sống sinh được 08 người con ruột và 01 người con nuôi tên Lại Thị R, sau đó bà R đã nhận lại gia đình của mình và đổi tên thành Võ Thị L1 nên bà L1 không được hưởng di sản do cha mẹ bà để lại, đồng thời trong quá trình Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại thì ông Th, ông B2 và bà L không ý kiến nên bà B1 yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Ch, cụ Ng để lại cho những người có mặt tại phiên tòa, bà yêu cầu chia diện tích 1.500m² đất làm 05 phần, bà yêu cầu được nhận 01 kỷ phần của bà bằng hiện vật. Đối với căn nhà thờ mà ông Ph đã sửa chữa toàn bộ thì bà không yêu cầu, bà đồng ý để toàn bộ các cột gỗ của căn nhà cũ cho ông Ph sở hữu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lại Văn T trình bày:

Giữa vợ của ông và cha mẹ của ông không hợp nên cụ Ch, cụ Ng không đề nghị vợ chồng ông phụng dưỡng. Vào năm 2002, ông Ph là người phụng dưỡng cha mẹ. Ông có biết việc ông B2, ông Ph hoán đổi đất và ông cũng đã ký tên trong Biên bản họp gia tộc ngày 30/3/2011 đồng ý chia diện tích 1.500m² đất do cụ Ch để lại cho ông Ph hưởng toàn bộ. Nay ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ Ch để lại, ông đồng ý cho ông Ph ½ kỷ phần của ông vì ông Ph đã phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già, ông yêu cầu nhận ½ kỷ phần của ông bằng hiện vật. Đối với căn nhà thờ đã được ông Ph sửa chữa lại toàn bộ thì ông không yêu cầu chia, ông đồng ý để ông Ph sở hữu toàn bộ cột cây gỗ mà ông Ph đã sử dụng từ căn nhà thờ cũ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lại Văn T1 trình bày:

Vào năm 2002, cha mẹ của ông có đề nghị vợ chồng ông về chăm sóc, phụng dưỡng các cụ lúc tuổi già nhưng vợ chồng ông từ chối nên ông Ph đã nhận chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ. Ông có biết việc hoán đổi đất giữa ông Ph với ông B2. Nay ông yêu cầu chia diện tích đất 1.500m² do cụ Ch để lại theo quy định pháp luật, ông đồng ý cho ông Ph ½ kỷ phần của ông vì ông Ph đã phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già, ông yêu cầu được nhận ½ kỷ phần còn lại của ông bằng hiện vật. Đối với căn nhà thờ đã được ông Ph sửa chữa lại

toàn bộ thì ông không yêu cầu chia, ông đồng ý để ông Ph sở hữu toàn bộ cột cây gỗ mà ông Ph đã sử dụng từ căn nhà thờ cũ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lại Văn Th, ông Lại Văn B2 trình bày:

Vào năm 2002, giữa ông B2 và ông Ph có sự trao đổi phần đất của ông Ph cho ông B2, còn ông Ph về chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ. Trường hợp xác định phần đất cụ Ch đứng tên quyền sử dụng đất là di sản thừa kế chưa chia thì ông Th và ông B2 từ chối nhận kỷ phần được chia.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lại Thị L trình bày:

Bà biết và có chứng kiến, ký tên vào biên bản thỏa thuận trao đổi đất giữa ông B2 và ông Ph. Bà L không có ý kiến, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ch để lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L1 trình bày:

Bà là con nuôi của cụ Ch và cụ Ng, bà được nhận nuôi từ 07 - 08 tháng tuổi, đến năm 18 tuổi bà lập gia đình nên không còn sống chung với cụ Ch, cụ Ng. Sau đó bà tìm được gia đình của mình nên bà đã đổi tên thành Võ Thị L1. Bà từ chối nhận di sản thừa kế do cụ Ch và cụ Ng để lại.

Người làm chứng ông Huỳnh Tấn D, ông Huỳnh Văn Kh trình bày:

Ông D, và ông Kh có chứng kiến việc thỏa thuận trao đổi đất giữa phần đất của ông Ph đổi cho ông B2, còn ông Ph về ở phụng dưỡng cụ Ch, cụ Ng và được hưởng phần đất này. Hai ông có ký tên xác nhận chứng kiến và thời điểm lập biên bản trao đổi đất có sự đồng ý của cụ Ch, cụ Ng, ông Ph, ông B2 và một số người khác.

Người làm chứng ông Nguyễn Ngọc Th1, ông Nguyễn Văn U và ông Phạm Văn V trình bày:

Ông Th1, ông U, ông V có trực tiếp nghe và chứng kiến, ký tên trong Biên bản họp gia tộc của gia đình ông Ph vào ngày 30/3/2011. Theo biên bản họp thì các anh em có mặt đồng ý chia phần đất diện tích 1.500m² do cụ Ch để lại cho ông Ph hưởng toàn bộ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 268/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng:

- Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 609; Điều 612; Điều 613; Điều 620; Điều 623; Điều 649 ; Điều 650; Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị B, bà Lại Thị B1, ông Lại Văn T, ông Lại Văn T1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Lại Văn Ch để lại.

- Chia cho ông Lại Văn Ph sở hữu toàn bộ diện tích 1.500m² đất thuộc thửa 899, tờ bản đồ số 3 (đo đạc thực tế 1.477,7m², số thửa mới là 58, tờ bản đồ số 5) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00028/QSDD do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 27/02/2004 cho cụ Lại Văn Ch; trên phần đất này có căn nhà thờ cùng một số công trình do ông Ph xây dựng và cây trồng trên đất.

- Chia cho bà Lại Thị B, bà Lại Thị B1 mỗi người giá trị 01 kỷ phần thừa kế. Buộc ông Ph có nghĩa vụ hoàn giá trị cho Bà B, bà B1 mỗi người 329.850.000 đồng là giá trị 01 kỷ phần Bà B, bà B1 được chia theo pháp luật.

- Chia cho ông Lại Văn T, ông Lại Văn T1 mỗi người giá trị ½ kỷ phần. Buộc ông Ph có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông T, ông T1 mỗi người 164.925.000 đồng là giá trị ½ kỷ phần ông T, ông T1 được chia theo pháp luật.

- Giao cho ông Ph quản lý 01 kỷ phần thừa kế của bà Lại Thị L.

Kể từ ngày Bà B, bà B1, ông T, ông T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Ph không hoàn giá trị kỷ phần mà họ được hưởng thì ông Ph còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà B, bà B1, ông T, ông T1 chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản, các đương sự đã thi hành xong.

3/ Án phí: Bà Lại Thị B phải chịu 16.492.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cản trừ vào số tiền 550.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 38869 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên Bà B phải nộp tiếp số tiền 15.942.500 đồng.

Bà Lại Thị B1 phải chịu 16.492.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cản trừ vào số tiền 562.500 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 39821 ngày 05/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên bà B1 phải nộp tiếp số tiền 15.930.000 đồng.

Ông Lại Văn T phải chịu 8.246.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cản trừ vào số tiền 562.500 đồng tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai số 39822 ngày 05/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên ông T phải nộp tiếp số tiền 7.683.750 đồng.

Ông Lại Văn T1 phải chịu 8.246.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cản trừ vào số tiền 562.500 đồng tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai số 39823 ngày 05/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên ông T1 phải nộp tiếp số tiền 7.683.750 đồng.

Ông Ph phải chịu 38.914.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 10 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn bà Lại Thị B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lại Văn T, ông Lại Văn T1 và bà Lại Thị B1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử cho nhận kỷ phần thừa kế theo pháp luật chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, không đồng ý nhận bằng giá trị.

* Ngày 04 tháng 12 năm 2019, bị đơn ông Lại Văn Ph có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

- Nguyên đơn bà Lại Thị B, tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà và cho bà nhận một kỷ phần thừa kế bằng hiện vật.

- Bị đơn Lại Văn Ph, không chấp nhận với yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của Bà B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia thừa kế, ông không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xét xử. Vì đất này ông hoán đổi với ông B2, nên thuộc quyền sở hữu của ông.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập):

1. Bà Lại Thị B1, tiếp tục giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin nhận một kỷ phần thừa kế bằng hiện vật.

2. Ông Lại Văn T, tiếp tục giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời thay đổi ý kiến không đồng ý cho ông Ph $\frac{1}{2}$ kỷ phần như tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, xin nhận một kỷ phần thừa kế bằng hiện vật.

3. Ông Lại Văn T1, ông có ý kiến về kỷ phần thừa kế ông được chia $\frac{1}{2}$ tại cấp sơ thẩm, tại giai đoạn phúc thẩm ông T1 cho lại ông Ph kỷ phần này và ông rút kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Nguyễn Văn Dũng, phát biểu cho rằng Bà B là con gái của cụ Ch, cụ Ng trước giờ cụ Ch, cụ Ng chưa cho tài sản hay đất đai, hiện tại Bà B không có nhà ở, đất ở và gia đình rất khó khăn, xét thấy đây là di sản của các cụ chết để lại là di sản thừa kế, Bà B yêu cầu chia di sản là đúng pháp luật. Đề nghị Hội xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm, chia cho B1 một kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là đất để Bà B cất nhà sinh sống.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa. Xét thấy cụ Ch, cụ Ng sau khi chết để lại phần di sản là 1.500m² đất thuộc thửa 899, tờ bản đồ số 3 (đo đạc thực tế 1.477,7m², số

thừa mới là 58, tờ bản đồ số 5) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00028/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 27/02/2004 cho cụ Lại Văn Ch. Từ khi cụ Ch, cụ Ng chết ông Ph quản lý sử dụng, xét trong quá trình hoán đổi nhà và đất giữa ông Ph, ông B2 là có lập văn bản cụ Ch, cụ Ng còn sống có chứng kiến, nhưng ông Ph không làm thủ tục chuyển nhượng, cho đến khi tranh chấp thì cụ Ch vẫn còn đứng tên, do đó chưa có căn cứ tài sản này là của ông Ph. Nên là tài sản của cụ Ch, cụ Ng chết để lại, được xác định là di sản thừa kế các đồng thừa kế của cụ Ng, cụ Ch là các người con yêu cầu chia là đúng quy định. Tại phiên tòa ông T1 cho toàn bộ kỷ phần thừa kế cho ông Ph là tự nguyện đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập kháng cáo yêu cầu chia bằng hiện vật, xét thấy diện tích đất thực tế qua đo đạc và hiện trạng căn nhà trên đất thì đủ diện tích mà các đương sự kháng cáo yêu cầu nhận kỷ phần bằng hiện vật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà B1, ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm,

[2] Các đương sự là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lại Thị B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: bà Lại Thị B1, Lại Văn T, ông Lại Văn T1:

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 tự nguyện cho ông Ph $\frac{1}{2}$ kỷ phần thừa kế mà Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho ông và ông rút lại nội dung kháng cáo. Xét thấy việc rút kháng cáo và cho $\frac{1}{2}$ kỷ phần di sản theo quyết định của bản án sơ thẩm là tự nguyện, không trái với quy định pháp luật, vì ông nhận thấy đây là tài sản do cha mẹ cho ông Ph nên không tranh chấp nữa, Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn Lại Thị B, Lại Văn T, Lại Thị B1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo lời trình bày và các bên đương sự thống nhất, ông Lại Văn Ch sinh năm 1920 (chết năm 2010) và bà Trần Thị Nga sinh năm 1930 (chết năm 2009) là cha mẹ của 09 người con (có 08 người con ruột và 01 người con nuôi) gồm: Lại Văn T, Lại Văn Ph, Lại Thị B1, Lại Thị B, Lại Văn B2, Lại Thị L, Lại Văn T1, Lại Văn Th và có 01 người con nuôi là Lại Thị R, nhưng sau đó bà R đã nhận lại gia đình của mình và đổi họ tên là Võ Thị L1. Sau khi cụ Ch, cụ Ng chết không để lại di chúc và Bà B, ông T, bà B1 cho rằng tài sản của cụ Ch, cụ Ng để lại là diện tích 1.500m² đất thuộc thửa 899, tờ bản đồ số 3 (đo đạc thực tế 1.477,7m², số thửa mới là 58, tờ bản đồ số 5) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00028/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 27/02/2004 cụ Lại Văn Ch đứng tên.

Trong đó, có 04 người con của cụ Ch là bà Lại Thị B (nguyên đơn), ông Lại Văn T, ông Lại Văn T1 (tại cấp phúc thẩm rút lại yêu cầu và kháng cáo) và bà Lại Thị B1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ Ch và cụ Ng để lại theo pháp luật.

Ông Lại Văn B2, bà Lại Thị L, ông Lại Văn Th, bà Lại Thị R (tên mới Võ Thị L1) và ông Lại Văn Ph không yêu cầu chia di sản với lý do cha mẹ đã chia cho các con khi còn sống.

Tài sản mà nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập xác định là di sản thừa kế của cụ Ch và cụ Ng để lại là 1.500m² đất thuộc thửa 899, tờ bản đồ số 3 (đo đạc thực tế 1.477,7m², số thửa mới là 58, tờ bản đồ số 5) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00028/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 27/02/2004 cho cụ Lại Văn Ch.

Người đang trực tiếp quản lý sử dụng đất hiện tại là ông Lại Văn Ph, đất tọa lạc tại Ấp Th, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, hiện trạng trên đất có 01 nhà cấp 4, các công trình phụ, gia đình ông Lại Văn Ph đang sinh sống từ năm 2002 cho đến khi tranh chấp.

- Về việc hoán đổi đất, nhà: Tại bút lục số 35 thể hiện, vào ngày 23/7/2002, ông Ph và ông B2 có lập một đơn xin đổi đất với nội dung giữa ông Ph và ông B2 thực hiện việc hoán đổi đất do cha mẹ cho, nội dung thể hiện ông Ph giao lại cho ông B2 690m² đất gò (đất này cha mẹ cho ông Ph), ông B2 giao lại cho ông Ph 1.500m² đất do cha mẹ cho ông B2, ông B2 hoàn lại cho ông Ph số tiền 10.000.000 đồng. Tại thời điểm đổi đất giữa ông Ph, ông B2 thì cụ Ch, cụ Ng còn sống, bà B1, ông Th, ông B2, ông Ph ký tên vào đơn này, trưởng ấp làm chứng và có xác nhận trong đơn.

- Về lý do đổi đất: Do cụ Ch, cụ Ng sau khi chia đất cho các con, phần đất còn lại 1.500 m² đất cụ Ch, cụ Ng cho ông B2, nhưng ông B2 chưa có vợ và ông B2 thấy điều kiện chăm sóc cho hai cụ không tốt, đồng thời hai cụ Ch, Nga cũng đồng ý để vợ chồng ông Ph về ở trên phần đất và nhà của cụ Ch, cụ Ng để chăm sóc hai cụ lúc tuổi già cho đến khi hai cụ mất, do đó giữa ông Ph và ông B2 đổi đất và nhà, nguồn gốc đất và nhà của ông Ph là do hai cụ đã cho ông Ph với diện

tích 690m². Tại đơn xin đổi đất ở và nhà có xác nhận của trưởng ấp là ông Huỳnh Tấn D.

- Sau khi cụ Ch, cụ Ng chết do đất và nhà cụ Ch còn đứng tên, nên ngày 30/3/2011, còn thể hiện tại một biên bản họp gia đình gồm các người con gồm: ông T, ông Ph, bà L, ông T1, ông Th, nội dung các anh chị em xác định khi cha mẹ là cụ Ch, cụ Ng còn sống do ông Ph nuôi dưỡng, chăm sóc, các anh chị em khác có cuộc sống kinh tế ổn định, riêng ông Ph còn khó khăn nên anh em gia tộc thống nhất chia cho ông Ph 1.500m² mà ông Ph đang ở quản lý. Biên bản lập có mời chính quyền ấp tham dự và ký tên xác nhận gồm có trưởng ấp là ông Phạm Văn V, phó trưởng ấp là ông Nguyễn Văn U.

- Sau khi hoán đổi đất xong ông B2 đã lập thủ tục và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B2 đứng tên đối với diện tích đất mà ông Ph đổi cho ông.

- Đối với các người con của cụ Ch, cụ Ng lúc cụ Ch, cụ Ng còn sống đã phân chia đất cho mỗi người và đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Chỉ riêng phần đất ông Ph quản lý sử dụng sau khi hoán đổi với ông B2 thì ông Ph chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ lúc cụ Ch, cụ Ng còn sống cho đến khi các cụ qua đời, nên phát sinh tranh chấp.

- Các nội dung về đơn xin đổi đất ở và nhà, biên bản họp gia đình các anh chị em của ông Ph đều thừa nhận, biết được đổi đất, nhà giữa ông B2 và ông Ph cũng như biên bản họp gia đình, trừ Bà B không thừa nhận.

- Tại thời điểm đổi đất, nhà giữa ông Ph, ông B2 thì cụ Ch, cụ Ng còn sống và chứng kiến việc đổi đất và nhà giữa ông B2, ông Ph cụ Ch, cụ Ng đồng ý ký, điền chỉ vào đơn, có xác nhận của trưởng ấp chứng kiến xác nhận, còn có bà B1, ông T1, ông Th chứng kiến ký tên. Cho thấy về mặt ý chí, nguyện vọng của cụ Ch, cụ Ng đều đồng ý và thừa nhận việc hoán đổi, nuôi dưỡng các cụ.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng tài sản trên do cụ Ch còn đứng tên, biên bản họp gia đình các con chưa ký tên đủ nên xác định là di sản thừa kế của cụ Ch, cụ Ng là chưa đánh giá hết tính chất khách quan của mối quan hệ chuyển đổi tài sản, xác định quyền định đoạt khi hoán đổi tài sản giữa ông B2 và ông Ph. Trong khi đó xác định tài sản giao cho ông B2 là tài sản riêng của ông B2 còn phần đất ông Ph nhận lại của ông B2 lại là tài sản thừa kế, khi đổi đất, nhà ông B2 phải trả 10 triệu đồng cho ông Ph để hỗ trợ di dời tài sản. Xét thấy Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chỉ xét người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không đánh giá hết diễn biến hình thành, hoán đổi tài sản, xác định quyền về tài sản dẫn đến đánh giá chưa đúng, chưa phù hợp tính chất khách quan của vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ph.

Từ những nội dung, tài liệu, lời khai nêu trên cho thấy có cơ sở xác định diện tích 1.500m² đất mà ông Ph quản lý, sử dụng là thuộc quyền sở hữu của ông Ph vì đây là tài sản được hoán đổi giữa ông B2 và ông Ph. Việc hoán đổi tại

thời điểm cụ Ch, cụ Ng vẫn còn sống, các cụ không có ý kiến gì xem như các cụ thừa nhận đất đã cho các con và hoán đổi với nhau.

Xét thấy trong suốt quá trình quản đổi, quản lý sử dụng từ khi cụ Ch, cụ Ng còn sống đều được các thành viên trong gia đình anh chị em thừa nhận. Ông Ph thực hiện nghĩa vụ chăm sóc cha mẹ tốt cho đến khi qua đời. Sau khi cha mẹ qua đời các anh chị em còn thống nhất một lần nữa về việc giao phần diện tích đất mà ông Ph đang quản lý sử dụng tại biên bản họp gia đình ngày 30/3/2011.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, xét về tính hợp pháp của nguồn gốc tài sản thể hiện tài sản này là do cha mẹ xác định thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Ph từ khi còn sống, cần xác định đây là tài sản do cha mẹ cho ông Ph nên thuộc quyền sở hữu của ông Ph, không phải là di sản thừa kế của cụ Ch và cụ Ng để lại.

Với các chứng cứ trên, đủ cơ sở xác định nhà đất của cụ Ch, cụ Ng cũng như các thừa kế của hai cụ thống nhất phân chia tài sản khi các cụ còn sống. Việc phân chia đã được thực hiện trên thực tế và các con cụ Ch, cụ Ng đều được thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, chỉ còn ông Ph chưa làm thủ tục chuyển chủ quyền; thỏa thuận phân chia không vi phạm quyền lợi của bất cứ thừa kế nào, tại thời điểm phân chia không ai tranh chấp nên có cơ sở xác định nhà, đất không còn là di sản thừa kế của cụ Ch, cụ Ng nữa mà đã chuyển thành quyền sử dụng đất hợp pháp của các cá nhân. Vì vậy, ông Ph đã sử dụng, quản lý, tôn tạo, xây dựng mới bổ sung nhà trên đất hợp pháp do được chia từ năm 2002 cho đến nay; tài sản thừa kế của cha mẹ không còn nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu chia di sản của cụ Ch, cụ Ng nữa.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản ông Ph đang quản lý, sử dụng là di sản thừa kế của cụ Ch, cụ Ng là chưa đúng. Dẫn đến việc chia di sản cho các con của cụ Ch, cụ Ng theo đơn khởi kiện của Bà B, ông T, ông T1 và bà B1 là chưa có căn cứ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ph.

Xét thấy việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa có căn cứ, chưa phù hợp với nội dung và diễn biến của sự việc làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lại Thị B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lại Văn T, bà Lại Thị B1 đối với việc yêu cầu chia di sản thừa kế. Nên cần sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 268/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

[6] Xét nội dung và yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lại Văn Ph;

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cũng như những phân tích như trên, xét thấy nội dung ông Ph trình bày phù hợp với các tài liệu chứng cứ, lời khai của những người làm chứng và cũng như các anh chị, em của ông Ph khai nhận. Xét thấy nội dung kháng cáo của ông Ph là có căn cứ, Hội đồng xét xử ghi nhận và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Ông Lại Văn Ph, bà Lại Thị B, bà Lại Thị B1, ông Lại Văn T có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi, nên thuộc trường hợp được miễn án phí; Ông Lại Văn T1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lại Thị B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lại Thị B1, ông Lại Văn T, ông Lại Văn T1.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lại Văn Ph.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 268/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang

- Áp dụng Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609; Điều 620; Điều 649 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị B, bà Lại Thị B1, ông Lại Văn T, ông Lại Văn T1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Lại Văn Ch để lại.

2. Công nhận cho ông Lại Văn Ph sở hữu toàn bộ diện tích 1.500m² đất thuộc thửa 899, tờ bản đồ số 3 (đo đạc thực tế 1.477,7m², số thửa mới là 58, tờ bản đồ số 5) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00028/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 27/02/2004 cho cụ Lại Văn Ch; trên phần đất này có căn nhà thờ cùng một số công trình do ông Ph xây dựng và cây trồng trên đất.

- Ông Lại Văn Ph có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà B, bà B1, ông T, ông T1 chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản, các đương sự đã thi hành xong.

4. Án phí:

- Hoàn lại cho bà Lại Thị B số tiền 550.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm bà đã nộp theo hai biên lai số 38869 ngày 03/10/2017, biên lai số 0016202 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G;

- Hoàn lại cho bà Lại Thị B1 số tiền 562.500 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà đã nộp theo hai biên

lai số 39821 ngày 05/11/2018, biên lai số 0016200 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G,

- Hoàn lại cho ông Lại Văn T số tiền 562.500 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông đã nộp theo hai biên lai số 39822 ngày 05/11/2018, biên lai số 0016201 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G;

- Buộc ông Lại Văn T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được căn trừ vào số tiền 562.500 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 39823 ngày 05/11/2018 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0016199 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên hoàn lại ông T1 số tiền 262.000 đồng.

- Hoàn lại cho ông Lại Văn Ph số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai tạm ứng số 0016177 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2020-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp